



Thứ sáu, ngày 26 tháng 10 năm 2018

## Vietnam Daily Review

Lực bán áp đảo

### Dự đoán xu hướng thị trường

|                      | Tiêu cực | Trung lập | Tích cực |
|----------------------|----------|-----------|----------|
| Ngày 27/10/2018      |          | •         |          |
| Week 29/10-2/11/2018 |          | •         |          |
| Tháng 10/2018        |          | •         |          |

### Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động giảm ở phiên sáng, ở phiên chiều, chỉ số giảm sâu hơn.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+0.82 điểm); GMD (+0.16 điểm); PLX (+0.163 điểm); BHN (+0.14 điểm); KDH (+0.14 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VHM (-2.96 điểm); VCB (-1.47 điểm); BID (-0.64 điểm); CTG (-0.58 điểm); MWG (-0.51 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu vận tải và khoáng sản, thanh khoản giảm so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 2,859.8 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 17.34 điểm. Thị trường có 121 mã tăng và 176 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 9.35 điểm, đóng cửa tại 900.82 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 1.31 điểm xuống 101.79 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 9.04 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã GMD (38.45 tỷ), VNM (26.50 tỷ) và BID (24.74 tỷ). Tuy nhiên, họ đã mua ròng 16.51 tỷ đồng trên sàn HNX.

### Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index đã có mức tăng điểm ngay từ những phút đầu do những tin tích cực từ thị trường chứng khoán Mỹ hồi phục đêm trước. Tuy nhiên lực bán xuất hiện từ giữa phiên khiến chỉ số giảm điểm, với lực bán mạnh xuất hiện ở nhóm cổ phiếu ngân hàng: VCB, CTG, TCB và một số cổ phiếu bluechips: VHM, MSN, VJC,... Trong phiên chiều, chỉ số VN-Index tiếp tục giảm điểm do lực bán tiếp tục áp đảo, một số mã quay đầu bán ròng: BID, VIC. Cổ phiếu GAS đã quay đầu về tham chiếu mặc dù trong phiên sáng đang là mã đẩy thị trường mạnh. Dù vậy vẫn nhiều cổ phiếu bluechips ngược dòng tăng điểm như: VNM, GMD, PLX, BHN,... Theo BSC, tâm lý nhà đầu tư vẫn đang lo ngại, thận trọng với những tin từ thị trường thế giới: chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, chính sách lãi suất của Fed,... Mặc dù thanh khoản thị trường vẫn duy trì ở mức thấp nhưng hôm nay khối ngoại đã mua ròng.

### Phân tích kỹ thuật:

### HDB\_Giảm giá trung hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

### BSC RESEARCH

#### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

#### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

**VN-INDEX 900.82**

Giá trị: 2859.8 tỷ -9.35 (-1.03%)

Khối ngoại (ròng): 9.04 tỷ

**HNX-INDEX 101.79**

Giá trị: 390.72 tỷ -1.31 (-1.27%)

Khối ngoại (ròng): 16.51 tỷ

**UPCOM-INDEX 51.13**

Giá trị: 216.7 tỷ -0.16 (-0.31%)

Khối ngoại (ròng): -6.06 tỷ

### Thông số vĩ mô

|                    | Giá trị | %      |
|--------------------|---------|--------|
| Giá dầu            | 66.7    | -0.89% |
| Giá vàng           | 1,238   | 0.47%  |
| Tỷ giá USD/VND     | 23,356  | 0.03%  |
| Tỷ giá EUR/VND     | 26,570  | 0.03%  |
| Tỷ giá JPY/VND     | 20,861  | 0.41%  |
| LS liên NH 1 tháng | 0.0%    | 0.00%  |
| LS TPCP 5 năm      | 4.7%    | 0.00%  |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

| Top mua | Giá trị | Top bán | Giá trị |
|---------|---------|---------|---------|
| GMD     | 38.4    | NVL     | 44.4    |
| VNM     | 26.5    | VHM     | 40.3    |
| BID     | 24.7    | VIC     | 20.4    |
| VRE     | 13.4    | MSN     | 12.1    |
| SSI     | 12.3    | VJC     | 12.0    |

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường Trang 1

Phân tích kỹ thuật Trang 2

Danh mục khuyến nghị Trang 3

Cổ phiếu lớn Trang 4

Thống kê thị trường Trang 5

Báo cáo mới nhất Trang 6

Khuyến cáo sử dụng Trang 7

## Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

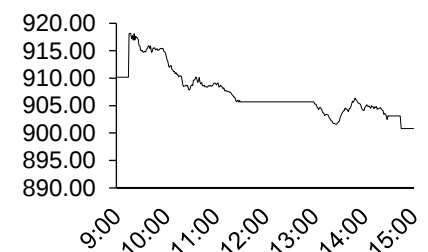
| Mã  | Thanh khoản (tr \$) | Đóng cửa (nghìn) | Hỗ trợ (nghìn) | Kháng cự (nghìn) | Trạng thái | Ghi chú          |
|-----|---------------------|------------------|----------------|------------------|------------|------------------|
| MSN | 2.6                 | 76.5             | 75             | 82               | MUA MẠNH   | Giảm giá kéo dài |
| SSI | 3.0                 | 27.6             | 28             | 33               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| MBB | 4.8                 | 21.1             | 20             | 24               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| PVS | 3.2                 | 18.8             | 19             | 21               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| VCB | 2.9                 | 53.5             | 53             | 65               | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| HDB | 4.4                 | 34.4             | 33             | 40               | NGỪNG MUA  | Giảm giá kéo dài |
| VJC | 2.3                 | 124.8            | 123            | 154              | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |
| STB | 3.2                 | 12.3             | 12             | 14               | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài |
| NVL | 3.2                 | 73.1             | 63             | 78               | NGỪNG MUA  | Tăng giá kéo dài |
| PNJ | 2.0                 | 92.6             | 94             | 110              | NGỪNG BÁN  | Giảm giá kéo dài |

Lê Quốc Trung

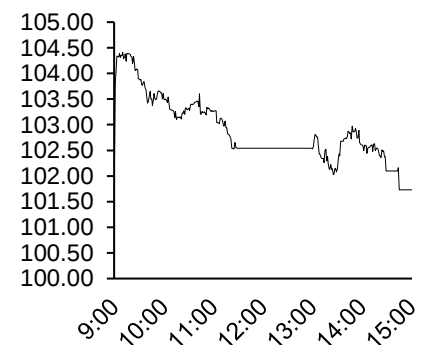
[trunglq@bsc.com.vn](mailto:trunglq@bsc.com.vn)

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

## Phân tích kỹ thuật

### HDB\_Giảm giá trung hạn

#### Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Dưới mức 0
- Chỉ báo RSI: Chạm Bollinger dưới
- Đường MA: Các đường MA 20 MA 50 và MA 100 cắt nhau

**Nhận định:** HDB là cổ phiếu thuộc nhóm ngành ngân hàng đang trong xu hướng giảm giá trung hạn. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều cho tín hiệu giảm. Giá HDB vừa phá qua vùng hỗ trợ nhẹ tại mức giá 35.3 và nằm dưới cả 3 đường MA cho thấy xu hướng giảm giá trung hạn đã được xác nhận. Nhiều khả năng HDB sẽ tiếp tục giảm giá về mức hỗ trợ mạnh tiếp theo quanh ngưỡng 32.31 và tích lũy tại đó trước khi đi theo xu hướng mới.



Bảng 1

Hợp đồng tương lai

| Ticker    | Đóng  | ± Ngày | ± KLGD |
|-----------|-------|--------|--------|
| VN30F1811 | 870.0 | -1.9%  | 4.0%   |
| VN30F1812 | 872.0 | -1.6%  | 21.3%  |
| VN30F1903 | 871.0 | -1.8%  | -32.5% |
| VN30F1906 | 873.0 | -1.5%  | 16.1%  |

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| VNM | 122 | 1.3       | 1.1      |
| GMD | 27  | 7.0       | 0.7      |
| DPM | 18  | 2.9       | 0.1      |
| HSG | 10  | 3.1       | 0.1      |
| MBB | 21  | 0.2       | 0.1      |

Top giảm điểm VN30

| CK  | Giá | ± giá (%) | Index pt |
|-----|-----|-----------|----------|
| MWG | 108 | -4        | -1.7     |
| VPB | 21  | -3        | -1.6     |
| MSN | 77  | -1        | -0.8     |
| VRE | 35  | -2        | -0.8     |
| VCB | 54  | -2        | -0.7     |

## Câu chuyện cuối tuần

### **Suy luận**

*\_Nguồn: Sưu tầm*

Nhà bác học nuôi 2 con chuột, huấn luyện chúng mỗi lúc thèm ăn thì bấm một cái nút nhỏ. Cuối cùng cũng thành công. Một ngày nọ, 2 con chuột nói chuyện với nhau:

- Mày thấy không, mình đã huấn luyện được gã đó, mỗi lúc bấm nút là lại đem đồ ăn đến cho mình!

## Danh mục khuyến nghị

### Danh mục ngắn hạn

| TT                | Mã  | Ngày mua  | Giá mua | Giá hiện tại | Hiệu suất tổng | Dừng lỗ | Mục tiêu |
|-------------------|-----|-----------|---------|--------------|----------------|---------|----------|
| 1                 | REE | 20/7/2018 | 32.70   | 31.50        | -3.7%          | 30.1    | 37.6     |
| 2                 | HT1 | 22/8/2018 | 12.60   | 11.85        | -6.0%          | 11.6    | 14.5     |
| 3                 | HBC | 26/9/2018 | 25.20   | 21.60        | -14.3%         | 23.2    | 29.0     |
| 4                 | PTB | 10/4/2018 | 64.00   | 59.50        | -7.0%          | 58.9    | 73.6     |
| <b>Trung bình</b> |     |           |         |              | <b>-8.0%</b>   |         |          |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục CANSLIM

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá  | Giá hiện tại | Hiệu suất    | Dừng | Mục  |
|-------------------|-----|------------|------|--------------|--------------|------|------|
| 1                 | MBB | 27/4/2015  | 13.8 | 21.05        | 52.5%        | 34.4 | 37.1 |
| 2                 | HPG | 28/10/2016 | 25.5 | 38.90        | 52.7%        | 24.2 | 43.5 |
| 3                 | HCM | 18/09/2017 | 41.9 | 52.70        | 25.8%        | 39.8 | 60.0 |
| <b>Trung bình</b> |     |            |      |              | <b>43.7%</b> |      |      |

Nguồn: BSC Research

### Danh mục cơ bản

| TT                | Mã  | Ngày mua   | Giá   | Giá hiện tại | Hiệu suất   | Dừng | Mục   |
|-------------------|-----|------------|-------|--------------|-------------|------|-------|
| 1                 | PVT | 23/06/2016 | 11.1  | 16.7         | 50.0%       | 17.0 | 22.7  |
| 2                 | ACB | 2/2/2018   | 32.4  | 28.3         | -12.7%      | 30.8 | 45.0  |
| 3                 | PNJ | 21/08/2018 | 105.0 | 92.6         | -11.8%      | 95.0 | 125.0 |
| <b>Trung bình</b> |     |            |       |              | <b>8.5%</b> |      |       |

Nguồn: BSC Research

| Mã  | Ngành             | Đóng cửa<br>(nghìn VND) | % Ngày | Beta | Vốn hóa<br>(Triệu USD) | Thanh khoản<br>(triệu USD) | EPS<br>(VND) | P/E  | P/B  | NN sở hữu | ROE   |       |
|-----|-------------------|-------------------------|--------|------|------------------------|----------------------------|--------------|------|------|-----------|-------|-------|
| MWG | Bán lẻ            | 108.0                   | -4.4%  | 0.6  | 1,516                  | 4.1                        | 8,472        | 12.7 | 4.6  | 49.0%     | 43.9% |       |
| PNJ | Bán lẻ            | 92.6                    | -2.4%  | 0.9  | 653                    | 2.0                        | 5,428        | 17.1 | 4.4  | 49.0%     | 30.0% |       |
| BVH | Bảo hiểm          | 93.5                    | 0.6%   | 1.5  | 2,849                  | 0.6                        | 1,831        | 51.1 | 4.3  | 24.8%     | 8.5%  |       |
| PVI | Bảo hiểm          | 32.0                    | 0.3%   | 0.8  | 322                    | 0.1                        | 2,265        | 14.1 | 1.1  | 43.9%     | 6.7%  |       |
| VIC | Bất động sản      | 96.4                    | -0.4%  | 1.1  | 13,377                 | 2.7                        | 1,292        | 74.6 | 6.9  | 9.9%      | 11.2% |       |
| VRE | Bất động sản      | 35.0                    | -1.7%  | 1.1  | 2,893                  | 2.3                        | 791          | 44.2 | 2.6  | 31.4%     | 5.7%  |       |
| NVL | Bất động sản      | 73.1                    | -1.9%  | 0.8  | 2,884                  | 3.2                        | 2,256        | 32.4 | 4.0  | 8.0%      | 13.7% |       |
| REE | Bất động sản      | 31.5                    | -1.6%  | 1.1  | 425                    | 0.6                        | 5,319        | 5.9  | 1.2  | 49.0%     | 20.9% |       |
| DXG | Bất động sản      | 25.1                    | -1.2%  | 1.5  | 382                    | 2.0                        | 3,042        | 8.3  | 1.9  | 47.6%     | 25.9% |       |
| SSI | Chứng khoán       | 27.6                    | -1.6%  | 1.3  | 598                    | 3.0                        | 3,046        | 9.0  | 1.5  | 57.1%     | 14.4% |       |
| VCI | Chứng khoán       | 49.1                    | -6.9%  | 1.0  | 348                    | 0.5                        | 4,289        | 11.4 | 2.6  | 41.3%     | 30.5% |       |
| HCM | Chứng khoán       | 52.7                    | -2.4%  | 1.3  | 297                    | 0.4                        | 6,094        | 8.6  | 2.3  | 61.8%     | 29.3% |       |
| FPT | Công nghệ         | 40.8                    | -0.6%  | 0.9  | 1,088                  | 1.7                        | 5,094        | 8.0  | 2.1  | 49.0%     | 28.6% |       |
| FOX | Công nghệ         | 52.5                    | 2.9%   | 0.4  | 516                    | 0.0                        | 3,453        | 15.2 | 3.9  | 0.2%      | 26.5% |       |
| GAS | Dầu khí           | 101.8                   | 0.0%   | 1.5  | 8,471                  | 2.1                        | 6,473        | 15.7 | 4.6  | 3.6%      | 30.6% |       |
| PLX | Dầu khí           | 57.7                    | 0.7%   | 1.5  | 2,907                  | 1.9                        | 3,254        | 17.7 | 3.5  | 11.0%     | 18.3% |       |
| PVS | Dầu khí           | 18.8                    | -1.6%  | 1.8  | 365                    | 3.2                        | 1,620        | 11.6 | 0.8  | 20.1%     | 6.8%  |       |
| BSR | Dầu khí           | 15.7                    | -1.3%  | 0.8  | 2,116                  | 1.0                        | #N/A         | N/A  | #N/A | N/A       | 35.8% | 23.0% |
| DHG | Dược              | 85.1                    | -0.1%  | 0.5  | 484                    | 0.2                        | 4,037        | 21.1 | 3.8  | 49.4%     | 18.3% |       |
| DPM | Hóa chất          | 18.0                    | 2.9%   | 1.0  | 306                    | 0.3                        | 1,492        | 12.1 | 0.9  | 21.0%     | 8.1%  |       |
| DCM | Hóa chất          | 9.5                     | 0.1%   | 0.6  | 218                    | 0.2                        | 790          | 12.0 | 0.8  | 4.0%      | 6.6%  |       |
| VCB | Ngân hàng         | 53.5                    | -2.4%  | 1.4  | 8,369                  | 2.9                        | 3,360        | 15.9 | 3.1  | 20.8%     | 20.9% |       |
| BID | Ngân hàng         | 30.6                    | -1.9%  | 1.7  | 4,548                  | 2.6                        | 2,329        | 13.1 | 2.1  | 2.7%      | 16.7% |       |
| CTG | Ngân hàng         | 22.5                    | -2.2%  | 1.6  | 3,642                  | 2.0                        | 2,085        | 10.8 | 1.2  | 30.0%     | 12.2% |       |
| VPB | Ngân hàng         | 21.1                    | -2.5%  | 1.2  | 2,248                  | 3.3                        | 2,663        | 7.9  | 1.8  | 23.2%     | 26.9% |       |
| MBB | Ngân hàng         | 21.1                    | 0.2%   | 1.3  | 1,977                  | 4.8                        | 2,366        | 8.9  | 1.4  | 20.0%     | 17.4% |       |
| ACB | Ngân hàng         | 28.3                    | -2.1%  | 1.2  | 1,535                  | 3.6                        | 3,656        | 7.7  | 1.6  | 34.3%     | 25.0% |       |
| BMP | Nhựa              | 56.5                    | 1.4%   | 0.8  | 201                    | 0.3                        | 5,586        | 10.1 | 1.9  | 77.4%     | 19.6% |       |
| NTP | Nhựa              | 43.0                    | 0.0%   | 0.4  | 167                    | 0.0                        | 3,938        | 10.9 | 1.8  | 23.1%     | 16.6% |       |
| MSR | Tài nguyên        | 20.7                    | 1.0%   | 1.2  | 809                    | 0.0                        | 229          | 90.5 | 1.6  | 2.1%      | 1.8%  |       |
| HPG | Thép              | 38.9                    | -0.3%  | 0.9  | 3,592                  | 8.7                        | 4,210        | 9.2  | 2.3  | 39.5%     | 30.1% |       |
| HSG | Thép              | 10.0                    | 3.1%   | 1.4  | 167                    | 1.4                        | 1,861        | 5.4  | 0.7  | 19.4%     | 14.0% |       |
| VNM | Tiêu dùng         | 121.5                   | 1.3%   | 0.6  | 9,199                  | 3.4                        | 5,065        | 24.0 | 8.1  | 59.0%     | 34.9% |       |
| SAB | Tiêu dùng         | 221.2                   | -0.4%  | 0.8  | 6,167                  | 0.3                        | 7,082        | 31.2 | 9.0  | 9.8%      | 31.2% |       |
| MSN | Tiêu dùng         | 76.5                    | -1.3%  | 1.1  | 3,869                  | 2.6                        | 5,370        | 14.2 | 4.7  | 38.1%     | 32.2% |       |
| SBT | Tiêu dùng         | 20.6                    | -0.2%  | 0.8  | 443                    | 2.9                        | 1,041        | 19.7 | 1.7  | 9.7%      | 11.3% |       |
| ACV | Vận tải           | 80.5                    | 0.6%   | 0.8  | 7,620                  | 0.0                        | 1,883        | 42.8 | 6.4  | 3.6%      | 15.9% |       |
| VJC | Vận tải           | 124.8                   | -1.0%  | 1.1  | 2,939                  | 2.3                        | 9,463        | 13.2 | 6.4  | 23.8%     | 67.1% |       |
| HVN | Vận tải           | 32.4                    | -0.6%  | 1.7  | 1,758                  | 0.6                        | 1,727        | 18.8 | 2.6  | 9.2%      | 14.6% |       |
| GMD | Vận tải           | 26.9                    | 7.0%   | 0.9  | 347                    | 3.1                        | 6,218        | 4.3  | 1.3  | 20.4%     | 30.1% |       |
| PVT | Vận tải           | 16.7                    | -1.2%  | 0.8  | 204                    | 0.1                        | 2,165        | 7.7  | 1.3  | 34.3%     | 17.2% |       |
| VCS | Vật liệu xây dựng | 73.9                    | 0.1%   | 1.1  | 514                    | 0.7                        | 5,620        | 13.1 | 4.2  | 2.6%      | 43.2% |       |
| VGC | Vật liệu xây dựng | 15.0                    | -3.2%  | 0.9  | 292                    | 0.7                        | 1,309        | 11.5 | 1.0  | 24.7%     | 9.0%  |       |
| HT1 | Vật liệu xây dựng | 11.9                    | -1.3%  | 0.7  | 197                    | 0.1                        | 1,599        | 7.4  | 0.9  | 4.9%      | 12.2% |       |
| CTD | Xây dựng          | 142.0                   | -1.4%  | 0.8  | 483                    | 0.6                        | 20,202       | 7.0  | 1.4  | 44.3%     | 21.1% |       |
| VCG | Xây dựng          | 18.6                    | -1.1%  | 1.4  | 357                    | 0.8                        | 2,715        | 6.9  | 1.3  | 10.8%     | 19.2% |       |
| CII | Xây dựng          | 23.2                    | -1.9%  | 0.6  | 246                    | 0.4                        | (39)         | #N/A | N/A  | 1.1       | 54.3% | -0.2% |
| POW | Điện              | 13.8                    | 0.0%   | 0.6  | 1,405                  | 0.4                        | 1,026        | 13.5 | 1.2  | 71.8%     | 9.1%  |       |
| NT2 | Điện              | 24.1                    | -1.0%  | 0.7  | 302                    | 0.1                        | 2,874        | 8.4  | 1.9  | 21.4%     | 19.8% |       |

## Thống kê thị trường

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

| CK  | Giá    | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|------|----------|-----------|
| VNM | 121.50 | 1.25 | 0.83     | 643020.00 |
| GMD | 26.85  | 6.97 | 0.16     | 2.69MLN   |
| PLX | 57.70  | 0.70 | 0.16     | 746900.00 |
| BHN | 85.00  | 2.41 | 0.15     | 2640.00   |
| KDH | 31.60  | 3.61 | 0.14     | 301930.00 |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

| CK  | Giá    | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|--------|-------|----------|-----------|
| VHM | 65.00  | -5.11 | -2.96    | 1.00MLN   |
| VCB | 53.50  | -2.37 | -1.48    | 1.22MLN   |
| BID | 30.60  | -1.92 | -0.65    | 1.88MLN   |
| CTG | 22.50  | -2.17 | -0.59    | 2.00MLN   |
| MWG | 108.00 | -4.42 | -0.51    | 849040.00 |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %    | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|------|----------|-----------|
| CMX | 10.70 | 7.00 | 0.00     | 86710.00  |
| GMD | 26.85 | 6.97 | 0.16     | 2.69MLN   |
| FIR | 21.50 | 6.97 | 0.01     | 19500.00  |
| HSL | 20.85 | 6.92 | 0.01     | 674510.00 |
| VSI | 24.75 | 6.91 | 0.01     | 1450.00   |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD      |
|-----|-------|-------|----------|-----------|
| HCD | 7.44  | -7.00 | -0.01    | 393280.00 |
| SSC | 53.40 | -6.97 | -0.02    | 20.00     |
| VCI | 49.05 | -6.93 | -0.19    | 210510.00 |
| TIE | 8.74  | -6.92 | 0.00     | 16740.00  |
| EMC | 13.50 | -6.90 | 0.00     | 10.00     |

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

### Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD    |
|-----|-------|-------|----------|---------|
| MSC | 16.50 | 10.00 | 0.02     | 4800.00 |
| VNC | 47.90 | 8.13  | 0.02     | 100.00  |
| TV3 | 38.80 | 9.60  | 0.01     | 2202.00 |
| SEB | 33.50 | 7.37  | 0.01     | 200.00  |
| API | 17.50 | 4.17  | 0.01     | 1500.00 |

### Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD    |
|-----|-------|-------|----------|---------|
| ACB | 28.30 | -2.08 | -0.76    | 2.91MLN |
| SHB | 7.60  | -1.30 | -0.11    | 5.35MLN |
| VGC | 15.00 | -3.23 | -0.10    | 1.08MLN |
| PGS | 30.00 | -9.09 | -0.10    | 1500.00 |
| PVS | 18.80 | -1.57 | -0.07    | 3.93MLN |

### Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

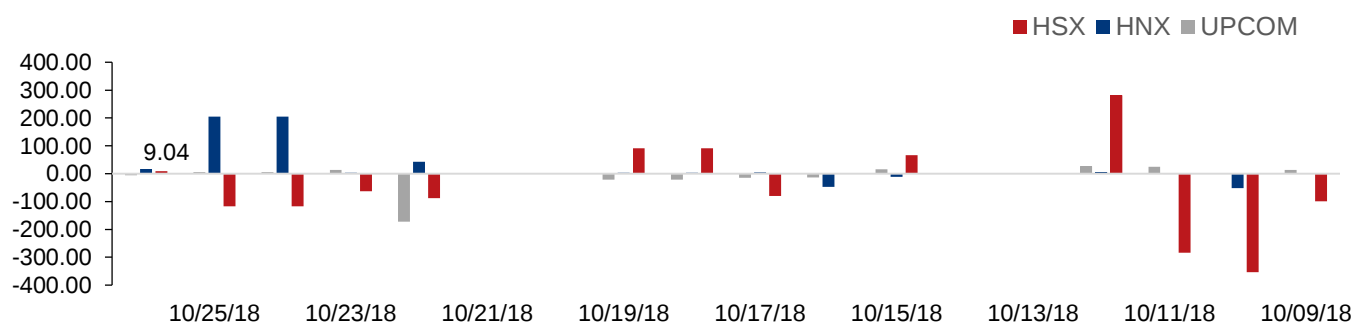
| CK  | Giá   | %     | Index pt | KLGD    |
|-----|-------|-------|----------|---------|
| MSC | 16.50 | 10.00 | 0.02     | 4800.00 |
| PPY | 14.30 | 10.00 | 0.00     | 4300.00 |
| PCN | 3.40  | 9.68  | 0.00     | 1100.00 |
| TV3 | 38.80 | 9.60  | 0.01     | 2202.00 |
| HKB | 1.20  | 9.09  | 0.01     | 1800.00 |

### Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

| CK  | Giá   | %      | Index pt | KLGD     |
|-----|-------|--------|----------|----------|
| NHP | 0.90  | -10.00 | 0.00     | 33100.00 |
| VNF | 27.20 | -9.93  | -0.01    | 100.00   |
| TSB | 10.90 | -9.92  | 0.00     | 200.00   |
| VSM | 10.00 | -9.91  | 0.00     | 16000.00 |
| VE1 | 11.00 | -9.84  | 0.00     | 3800.00  |

Hình 3

### Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

| STT | Tên báo cáo                                  | Loại báo cáo    | Mã cổ phiếu liên quan | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|----------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 1   | BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE               | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài   | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm             | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11         | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng               | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018     | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1     | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2    | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017         | Phân tích ngành |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ  | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07        | Phân tích vĩ mô |                       | <a href="#">Click</a> |               |

## Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

| STT | Mã  | Ngành        | Khuyến nghị | Ngày ra báo cáo | Giá ngày ra báo cáo | Giá mục tiêu | Giá hiện tại | EPS    | P/E  | P/B | Link tải báo cáo      | Link dự phòng |
|-----|-----|--------------|-------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------|------|-----|-----------------------|---------------|
| 1   | CSM | Cao su       | Nắm giữ     | 14/03/2018      | 14.7                | 17.0         | 14.7         | 157    | 93.5 | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 2   | NT2 | Điện         | Nắm giữ     | 3/12/2018       | 29.3                | 30.2         | 24.1         | 2,874  | 8.4  | 1.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 3   | EIB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 15.0                | 17.3         | 13.8         | 1,003  | 13.7 | 1.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 4   | VIS | Thép         | Theo dõi    | 13/03/2018      | 34.7                | 43.0         | 25.0         | -2,092 | #N/A | 2.0 | <a href="#">Click</a> |               |
| 5   | ACB | Ngân hàng    | Mua         | 3/12/2018       | 46.8                | 55.8         | 28.3         | 3,656  | 7.7  | 1.6 | <a href="#">Click</a> |               |
| 6   | VSC | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/8/2018        | 42.1                | 45.4         | 38.5         | 5,746  | 6.7  | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 7   | DIG | Bất động sản | Mua         | 3/8/2018        | 27.3                | 36.6         | 14.0         | 1,035  | 13.5 | 1.2 | <a href="#">Click</a> |               |
| 8   | PVT | Vận tải      | Nắm giữ     | 3/5/2018        | 18.0                | 20.2         | 16.7         | 2,165  | 7.7  | 1.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 9   | HPG | Thép         | Mua         | 3/1/2018        | 66.7                | 79.3         | 38.9         | 4,210  | 9.2  | 2.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 10  | DXG | Bất động sản | Mua mạnh    | 2/12/2018       | 28.2                | 40.0         | 25.1         | 3,042  | 8.3  | 1.9 | <a href="#">Click</a> |               |
| 11  | TNG | Dệt may      | Mua         | 16/01/2018      | 15.5                | 18.1         | 15.8         | 3,200  | 4.9  | 1.0 | <a href="#">Click</a> |               |
| 12  | CSV | Cao su       | Mua         | 12/6/2017       | 34.3                | 42.0         | 32.8         | 5,765  | 5.7  | 1.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 13  | FPT | Công nghệ    | Mua         | 15/11/2017      | 56.9                | 70.2         | 40.8         | 5,094  | 8.0  | 2.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 14  | VCB | Ngân hàng    | Nắm giữ     | 13/11/2017      | 43.1                | 45.0         | 53.5         | 3,360  | 15.9 | 3.1 | <a href="#">Click</a> |               |
| 15  | PVS | Dầu khí      | Mua         | 11/8/2017       | 16.1                | 17.5         | 18.8         | 1,620  | 11.6 | 0.8 | <a href="#">Click</a> |               |
| 16  | MBB | Ngân hàng    | Mua         | 11/3/2017       | 22.6                | 26.0         | 21.1         | 2,366  | 8.9  | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 17  | CTD | Xây dựng     | Mua         | 11/3/2017       | 225.0               | 254.3        | 142.0        | 20,202 | 7.0  | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 18  | HAG | Nông nghiệp  | Mua         | 11/2/2017       | 8.0                 | 14.6         | 4.8          | -697   | #N/A | 0.3 | <a href="#">Click</a> |               |
| 19  | RAL | Tiêu dùng    | Mua         | 24/10/2017      | 134.1               | 167.5        | 91.0         | 18,132 | 5.0  | 1.4 | <a href="#">Click</a> |               |
| 20  | PNJ | Bán lẻ       | Mua         | 23/10/2017      | 109.0               | 132.0        | 92.6         | 5,428  | 17.1 | 4.4 | <a href="#">Click</a> |               |

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

